TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-PT
Ngày: 03-02-2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa và ông Nguyễn Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Thư ký TAND tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2022/TLPT- TC ngày 21 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST ngày 07/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2804/2022/QĐ-PT ngày 29/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2023/QĐPT-DS ngày 05/01/2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1989; nơi cư trú: PA2308 chung cư HD M, phường Mỹ Đ 2, quận Nam Từ L1, TP. Hà Nội; địa chỉ: Số 38, ngõ 295 phố Bạch M1, phường Bạch M1, quận Hai Bà T, TP. Hà Nội; có mặt.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trịnh Thị H - Công ty Luật TNHHMTV Đại Dương L2; địa chỉ: địa chỉ: Số 38, ngõ 295 phố Bạch M1, phường Bạch M1, quận Hai Bà T, TP. Hà Nội ; có mặt

2. Bị đơn: Chị Mai Thị H1, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Di L3, xã Quảng T1, huyện Quảng T2, tỉnh Quảng Bình; có mặt

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Hoàng Xuân T3, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 03 Ngõ 70, đường Lê Thành Đ1, phường Hải T4, TP. Đồng H2, tỉnh Quảng Bình. *(Văn bản ủy quyền ngày 05/12/2022);* có mặt

3. Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn L4, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số 46, Ngõ 139 Phù D, quận Bắc Từ L1, thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đều thống nhất trình bày:* Ngày 23/11/2020 giữa chị Lê Thị L và chị Mai Thị H1 có lập giấy vay tiền, trong đó có nội dung: Chị L cho chị H1 vay số tiền 116.500.000 đồng *(Một trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng),* thời hạn vay kể từ ngày 23/11/2020 đến ngày 30/05/2021 với mục đích để chị H1 thanh toán chi phí cho con gái là Lê Mai L5 đi du học tại Hàn Quốc. Sau khi các bên ký giấy vay tiền với sự làm chứng của anh Nguyễn Văn L4, chị L đã trực tiếp thay mặt chị H1 nộp tiền vào Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển dịch vụ E.A.S Group (Công ty E.A.S Group) do chị L làm Chủ tịch Hội đồng quản trị với số tiền 116.500.000 đồng theo đúng mục đích mà các bên đã ký kết. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ chị H1 không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Vì vậy, vào ngày 16/6/2021 chị L đã đến nhà chị H1 yêu cầu trả nợ nhưng chị H1 không hợp tác. Do đó, chị L khởi kiện yêu cầu buộc chị H1 phải trả số tiền đã vay theo giấy vay tiền là 116.500.000 đồng và lãi suất chậm trả theo mức 20%/năm kể từ ngày 30/5/2021 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

- *Tại bản tự khai ngày 07/4/2022 và tại phiên tòa bị đơn chị Mai Thị H1 trình bày:* Vào ngày 23/11/2020 chị H1 và chị L có xác lập giấy vay tiền với số tiền 116.500.000 đồng đúng như tài liệu mà chị L cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên, việc ký giấy vay tiền đó là do chị L ép buộc chị H1 phải ký bởi lý do gia đình chị H1 có làm hồ sơ với Công ty của chị L để cho con đi học nước ngoài. Mục đích của việc xác lập, ký kết giấy vay tiền này nhằm đảm bảo cháu Lê Mai L5 (con của chị H1) không bỏ học trong thời gian du học ở Hàn Quốc tránh làm mất uy tín của Công ty của chị L. Chị H1 cho rằng việc ký giấy vay tiền chỉ là hình thức và bản thân chị H1 không nhận từ chị L số tiền trên bằng hình thức nào, nếu chị có nhận tiền của chị L thì chị đề nghị chị L cung cấp giấy nhận tiền hoặc phiếu chuyển tiền cho Tòa án. Việc chị L cho rằng, chị H1 mượn tiền để đóng học phí cho con là không đúng vì phía du học sinh (con của chị H1) đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính trước khi viết giấy vay tiền. Trong giấy vay tiền có sự chứng kiến của người làm chứng là anh Nguyễn Văn L4 là hoàn toàn sai sự thật, vì tại thời điểm ký kết giấy vay tiền chỉ có chị H1 với chị L; còn anh L4 là người trong công ty của chị L nên việc anh L4 ký sau này nên chị H1 không biết. Nay chị không đồng ý với nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị L.

- *Người làm chứng anh Nguyễn Văn L4 trình bày:* Anh hiện đang làm việc tại Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển dịch vụ E.A.S Group, từ năm 2019. Vào ngày 23/11/2020, anh có làm chứng việc chị L và chị H1 (là mẹ của của học sinh là Lê Mai L5). Việc anh ký và làm chứng trong giấy vay tiền này là hoàn toàn đúng sự thật.

- *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/TCDS-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng T2, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn chị Mai Thị H1.

+ Buộc bị đơn chị Mai Thị H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn chị Lê Thị L tổng số tiền là 145.673.000 đồng *(Một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng)*, trong đó tiền nợ gốc là 116.500.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/9/2022 là 29.173.000 đồng *(Hai mươi chín triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng).*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền thi hành án, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/9/2022, bị đơn chị Mai Thị H1 có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm, tuyên bố giấy vay tiền là hợp đồng giả cách, do bị ép buộc và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Phía bị đơn trình bày: Bên cho vay không đưa tiền trực tiếp bên vay nên và bên cho vay không ủy quyền của bên vay nộp tiền vào công ty, cho nên không làm phát sinh nghĩa vụ của bên vay. Thực chất giấy vay tiền là một khoản tiền cam kết giữa các bên nhằm đảm bảo con chị H1 không bỏ trốn sau khi được xuất cảnh để giữ uy tín của công ty của chị L. Biên lai thu tiền mà chị L đã nộp cho công ty là ngụy tạo chứng cứ được lập sau này nên không có giá trị. Vì vậy đề nghị tuyên hợp đồng vay tiền vô hiệu do giả tạo và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Phía nguyên đơn trình bày: Việc vay tiền giữa hai bên là quan hệ vay mượn cá nhân không liên quan đến công ty. Hợp đồng được lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung đúng quy định pháp luật. Vì vây, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định pháp luật tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ và kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Theo các nội dung tại giấy vay tiền đề ngày 23/11/2020 giữa chị Lê Thị L *(bên cho vay)* và chị Mai Thị H1 *(bên vay)* có các nội dung: Chị L cho chị H1 vay số tiền 116.500.000 đồng trong thời hạn từ ngày 23/11/2020 đến ngày 30/5/2021 và thỏa thuận lãi suất quá hạn là 24%/năm; phương thức cho vay là ngay sau khi ký giấy vay tiền, bên cho vay sẽ giao toàn bộ số tiền cho bên vay để nộp chi phí cho con đi du học. Ngoài ra, tại giấy vay tiền còn ghi rõ hợp đồng vay tiền được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và giao cho mỗi bên giữ một bản để thực hiện và chữ ký của người làm chứng Nguyễn Văn L4.

[3] Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận đã ký vào giấy vay tiền này, nhưng chị H1 cho rằng mục đích của việc xác lập, ký kết giấy vay tiền là để đảm bảo cháu Lê Mai L5 (con của chị H1) không bỏ trốn trong thời gian du học ở Hàn Quốc và để không làm mất uy tín của Công ty của chị L, đồng thời nếu không ký thì phía Công ty E.A.S GROUP không giao Visa cho con chị là Lê Mai L5. Ngoài ra, chị H1 còn nại rằng việc ký giấy vay tiền chỉ là hình thức và các bên không thực hiện việc giao nhận tiền; phía du học sinh (con của chị H1) đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính trước khi viết giấy vay tiền và trong giấy vay tiền có sự chứng kiến của người làm chứng là anh Nguyễn Văn L4 là hoàn toàn sai sự thật. Tuy nhiên, chị H1 không có bất cứ, tài liệu nào chứng minh về việc bị ép buộc ký vào giấy vay tiền. Mặt khác, sau khi con gái đã được xuất cảnh trong một thời gian dài thì chị H1 cũng không có một ý kiến phản đối, hoặc trình báo cơ quan có thẩm quyền về sự việc bị ép buộc phải ký kết vào giấy vay tiền cho đến khi bị khởi kiện.

[4] Đối với các ý kiến của chị H1 thấy rằng: Tại giấy vay tiền ghi rõ: *"Hợp đồng được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản"*, cuối hợp đồng còn có chữ ký, họ và tên của người làm chứng là anh L4. Đối với số tiền đã vay tại Điều 2 của giấy vay tiền ghi rõ: *"Ngay sau ký giấy vay tiền, Bên A sẽ giao toàn bộ số tiền 116.500.000 VNĐ cho bên B"* tức là việc giao nhận tiền giữa các bên sẽ được tiến hành ngay sau khi ký kết, đồng thời chị L đã cung cấp 01 phiếu thu của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển E.A.S Group đề ngày 23/11/2020 (BL:95) có nội dung: *"Họ và tên người nộp: Lê Thị L; Lý do nộp hoàn thiện tài chính Du học Hàn cho Lê Mai L5 với số tiền 116.500.000 đồng"*; phiếu thu này đã thể hiện chị L đã nộp tiền thay cho chị H1 theo nội dung đã cam kết tại giấy vay tiền. Mặt khác, theo quy định của pháp luật thì sau khi được cấp Visa điện tử thì học viên có quyền tự liên hệ với Đại sứ quán để làm thủ tục xuất cảnh, cho nên ý kiến của chị H1 cho rằng bị ép buộc ký

giấy vay tiền để được cấp Visa xuất cảnh, cũng như chưa nhận bất cứ khoản tiền nào từ chị L là không có cơ sở. Mặt khác giấy vay tiền giữa các bên được lập vào ngày 23/11/2020 thì đến ngày 30/11/2020 con gái chị H1 (là L5) đã được xuất cảnh đúng thời gian, cho nên việc chị H1 vay tiền của chị L nhằm đóng các khoản chi phí liên quan đến việc đi du học được nêu trong hợp đồng là phù hợp với thời gian và mục đích giao dịch của các bên.

[5] Từ những phân tích được nêu tại phần [2] [3] [4] và căn cứ vào nội dung hợp đồng vay tiền lập ngày 23/11/2020, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng là hoàn toàn phù hợp, đúng với quy định của pháp luật theo các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để xem xét, cho nên đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn chị Mai Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Mai Thị H1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng T2, tỉnh Quảng Bình.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc chị Mai Thị H1 phải trả cho chị Lê Thị L số tiền là 145.673.000 đồng *(Một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng)*, trong đó số tiền nợ gốc là 116.500.000 đồng *(Một trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng)* và số tiền nợ lãi phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/9/2022 là 29.173.000 đồng*(Hai mươi chín triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc chị Mai Thị H1 phải chịu 7.283.000 đồng *(Bảy triệu hai trăm tám mươi ba nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại cho nguyên đơn chị Lê Thị L số tiền 2.913.000 đồng *(Hai triệu chín trăm mười ba nghìn đồn*g) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0007632, ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Mai Thị H1 phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp tại biên lai số: 31AA/2021/0002073, ngày 19/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng T2, tỉnh Quảng Bình. Chị H1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (03/02/2023)./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- TAND huyện Quảng T2;
- Chi cục THADS huyện Quảng T2;
- Lưu: HS vụ án, án văn Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký

Trần Trung Thành